TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2023/DS-PT
Ngày 30 – 3 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng A: Bà Huỳnh Mỹ Sự, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Hồng T1, sinh năm 1946 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 5, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà H Thị N1, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

2. Anh Võ Trí L, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

3. Anh Võ Lý T3, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

4. Chị Giảng Minh N2, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị t, huyện N, tỉnh C ..

6. Bà Huỳnh Mỹ T5, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C .;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Mỹ T5: Bà Huỳnh Mỹ Sự, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

7. Anh Nguyễn H, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Võ Hồng T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Nguyễn Hoàng A trình bày:*

Năm 1989, ông nhận chuyển nhượng phần đất của ông Bạch Ngọc Chắc (Ba Chắc) không có đo đạc, các hướng tiếp giáp đều có bờ ranh chung. Mặt tiền nhìn vào hướng tay phải giáp đất ông Phạm Văn Lâm và bà Thái Thị Nga; mặt tiền nhìn vào hướng tay trái giáp đất ông Võ Hồng T1, có bờ sử dụng chung từ trước đến nay. Sau khi nhận chuyển nhượng và quản lý sử dụng đất, hàng năm ông đều có cải tạo vuông, sên đất đỗ lên bờ ranh chung với ông T1 và ông Lâm thời gian hơn 30 năm nay không xảy ra tranh chấp. Đến đầu năm 2022, ông dự định chuyển tên quyền sử dụng đất lại cho con và thỏa thuận giáp ranh để cắm mốc thì ông T1 cho rằng đất ông không có bờ, bờ bên ông bị lỡ không còn và ranh giới phải đo xuống kênh của ông, ông không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Đối với phần bờ giáp kinh Cụt, khi ông vào sử dụng đất thì cặp kinh Cụt không có bờ, không thể đi bộ được, mà đa số đi bằng xuồng để vào canh tác đất. Sau này, trong quá trình quản lý sử dụng đất ông đào kênh làm vuông đắp lên thành bờ nên mới có bờ tiếp giáp kinh Cụt.

Nay ông khởi kiện yêu cầu buộc ông T1 phải giao trả cho ông 1/2 bờ tính từ cống xổ vuông của ông T1 đến hậu đất và toàn bộ phần bờ tính từ cống xổ vuông ông T1 đến giáp Kinh Cụt theo sơ đồ đo đạc ngày 26/10/2022, diện tích là 2.238,9m^2.

- *Theo ông Võ Hồng T1 trình bày:*

Năm 1982, ông nhận chuyển nhượng đất của ông Chín Huỳnh, mặt tiền nhìn vào hướng tay phải giáp đất ông Thái Ngọc Tự (sau này ông Tự sang nhượng lại cho ông Ba Chắc, ông Chắc sang nhượng lại cho ông Hoàng A). Thời điểm nhận chuyển nhượng đất còn làm rẫy, ông cùng ông Võ Hồng Hải (em ruột ông), ông Thái Ngọc Tự, ông Phạm Văn Lâm thống nhất cách đào ranh mặt tiền nhìn vào hướng tay trái, cụ thể: Lấy đất của ông Lâm bỏ lên đất của Tự, lấy đất ông Tự bỏ lên đất ông, lấy đất ông bỏ lên đất ông Hải; thời điểm này bờ nhỏ có chiều ngang 1,2m. Như vậy, theo cách đào bờ này thì phía đất ông Tự không có bờ. Ngoài ra, thời điểm này thì đất của ông Hai Lâm ngang 14 tầm, đất của ông Hoàng A ngang

12 tầm, đất ông Chín Huỳnh và của ông mỗi người ngang 13 tầm, đất của ông Thái Ngọc Tự ngang 12 tầm, đất của bà Đoàn Thị Năm ngang 18 tầm (tầm 3m). Đến năm 1987, Nhà nước chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản thì các hộ giáp ranh đào kênh bỏ đất lên bờ cho rộng, cao để không cho nước ngoài sông tràn vào.

Khi ông Hoàng A chuyển nhượng đất của ông Ba Chắc thì không có đo đạc, không cắm ranh. Từ trước đến nay, mỗi khi cải tạo vuông thì các hộ giáp ranh đều đỗ đất lên bờ ranh. Riêng bờ ranh với ông Hoàng A cũng như thế, hai bên đều có cải tạo đỗ đất lên bờ, bờ ranh giữa hai bên đều có lỡ nhưng phía ông Hoàng A bị lỡ nhiều hơn do trên hướng gió, lỡ không đều nhau, có chỗ 3m và có chỗ nhỏ hơn. Ngoài ra, bên đất của ông có trồng cây cặp bờ nên hàng năm bờ bên đất của ông được bồi đắp rộng lớn ra theo thời gian. Nay ông Hoàng A yêu cầu chia đôi bờ ông không đồng ý, vì bên phía đất ông Hoàng A không có bờ. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết toàn bộ bờ là của ông.

Đối với bờ đất tiếp giáp kinh Cụt, trước đây ông làm vuông có đắp đường đi cặp theo kinh Cụt hướng kênh Không Quân đi vào đất của ông nên đoạn bờ ranh này phân chia mỗi bên ½ bờ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng A. Buộc ông Võ Hồng T1, bà H Thị N1, anh Võ Trí L, anh Võ Lý T3, chị Giảng Minh N2, chị Nguyễn Thị Ngọc T4 phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Hoàng A và bà H Mỹ T5 diện tích đất 2.238,9m^2 bao gồm các điểm M14M13M10’M24M23M22M21 (từ điểm M24 đo qua điểm M10 lấy 2,46m gọi là điểm M10’), đất tọa lạc khóm 5, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M14M21 dài 5,77m tiếp giáp kinh Cụt.

Hướng Tây: Điểm M24 M10’ dài 2,46m tiếp giáp đất ông Trần Bửu Hồng.

Hướng Nam: Điểm M21M22M23M24 dài 821,18m (điểm M21M22 dài 71,73m; điểm M22M23 dài 18,81m; điểm M23M24 dài 730,64m) tiếp giáp bờ đất ông Võ Hồng T1.

Hướng Bắc: Điểm M14M13M10’ dài 826,97m (điểm M14M13 dài 80,53m; điểm M13M10’ dài 746,44m) tiếp giáp đất ông Nguyễn Hoàng A.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/12/2022, ông Võ Hồng T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Hồng T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông T1 phát biểu: Bản án sơ thẩm xử phần bờ từ cống của ông trở về hậu đất phân chia mỗi bên ½ bờ và phần bờ từ cống trở ra đến kinh Cụt là của ông Hoàng A là hẹp cho ông.

Bà Huỳnh Mỹ Sự phát biểu: Đối với kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ, bởi lẽ: Không có căn cứ chứng minh cách đào bờ như ông T1 trình bày; bờ ranh giáp giữa đất ông T1 với ông Hoàng A là bờ chung, các bên đã sử dụng chung trên 30 năm. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng A là có căn cứ. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Hoàng A thống nhất với phát biểu tranh luận của bà Huỳnh Mỹ Sự, không có ý kiến tranh luận thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hồng T1, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Võ Hồng T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Hoàng A khởi kiện yêu cầu buộc ông T1 phải giao trả cho ông 1/2 bờ tính từ cống xổ vuông của ông T1 đến hậu đất và toàn bộ phần bờ tính tự cống xổ vuông ông T1 đến giáp kinh Cụt theo sơ đồ đo đạc ngày 26/10/2022 diện tích là 2.238,9m^2. Ông T1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Hoàng A, ông T1 cho rằng toàn bộ phần từ cống xổ vuông của ông T1 đến hậu đất là của ông T1. Vì bên phía đất ông Hoàng A không có bờ, đối với phần bờ từ cống xổ vuông của ông T1 đến giáp kinh Cụt, trước đây ông T1 có đắp đường đi vào đất của ông T1, nên phân chia mỗi bên ½ bờ.

[2] Xét về nguồn gốc đất của ông Hoàng A, ông T1 đang sử dụng:

[2.1] Phần đất ông Hoàng A sử dụng trước đây là của ông Thái Ngọc Do vào nhận đất để trồng rẫy vào năm 1981; đến năm 1985, ông Do chuyển nhượng lại cho em ruột là Thái Ngọc Tự; đến năm 1987, ông Tự chuyển nhượng lại cho ông Bạch Ngọc Chắc (Ba Chắc); đến năm 1989, ông Chắc chuyển nhượng lại cho ông Hoàng A và ông Nguyễn Hoàng Thật (em ruột ông Hoàng A). Khi chuyển nhượng, phần đất đã chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản. Ông Thật kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/10/1993 với tổng diện tích là 33.300m^2 thuộc thửa số 82, 77 tờ bản đồ số 4 (trong đó thửa số 82 diện tích 28.200m^2 và thửa 77 diện tích 5.100m^2). Thời điểm này thửa 79 (tiếp giáp thửa số 77) có diện tích 4.800m^2 cũng do ông Hoàng A quản lý sử dụng. Như vậy, ông Hoàng A quản lý tổng diện tích đất là 38.100m^2 (thửa 82, 77, 79). Sau đó, ông Thật chuyển quyền sử dụng đất cho ông Hoàng A và ông Hoàng A được Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/5/2009 thuộc thửa đất số 82, 77 tờ bản đồ số 4 với tổng diện tích

là 33.300m^2 không thể hiện kích thước thửa đất được cấp. Qua đo đạc thực tế, phần đất của ông Hoàng A quản lý sử dụng có diện tích là 37.851,8m^2 (bao gồm các thửa 82, 77, 79 và chưa tính diện tích đất tranh chấp 2.238,9m^2).

[2.2] Phần đất ông T1 sử dụng trước đây là của ông Chín Huỳnh, ông H chuyển nhượng lại cho ông T1 vào năm 1982. Ông T1 kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 28/12/1992 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi ngày tháng năm) diện tích 53.300m^2 thuộc thửa đất số 83, 81 tờ bản đồ số 4 (trong đó thửa số 83 diện tích 51.100m^2 và thửa 81 diện tích 2.200m^2). Qua đo đạc thực tế, phần đất của ông T1 quản lý sử dụng có diện tích 58.949,6m^2 (chưa tính diện tích đất tranh chấp 2.238,9m^2).

[2.3] Qua xác minh những người sử dụng đất trước đây, ông Bạch Ngọc Chắc trình bày: Ông Chắc sang đất của ông Thái Ngọc Tự lúc còn làm rẫy, các phía tiếp giáp đều có bờ ranh chung, chiều ngang nhỏ sử dụng để làm rẫy, đến khi chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản thì bên ông có đào đất quăng lên thành bờ, phía đất ông Chín Huỳnh có đào đất quăng lên thành bờ nên bờ rộng lớn hơn lúc còn làm rẫy; ông Chác xác định lúc còn làm rẫy và khi chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản thì bờ ranh giữa ông với ông Chín Huỳnh là bờ ranh chung; bà Thái Thị Nga trình bày: Bà Nga vào canh tác đất trước ông T1 và ông Hải, khi vào canh tác đất thì bờ ranh nhỏ do hai bên sử dụng chung, khi chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản thì hai bên đều có cải tạo kênh đỗ đất lên bờ ranh chung nên các phía tiếp giáp hiện nay đều có bờ ranh chung, không có sự việc thỏa thuận cách làm bờ ranh theo ông T1 trình bày.

[2.4] Tại cấp sơ thẩm, ông T1 cũng trình bày bờ ranh giữa hai bên bị lỡ, nhưng phía ông Hoàng A bị lỡ nhiều hơn do trên hướng gió. Hơn nữa, ông T1 và ông Hoàng A đều thừa nhận từ khi Nhà nước chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản cho đến nay thì hàng năm hai bên đều có cải tạo kênh đỗ đất lên bờ ranh sử dụng chung đã 35 năm nay không tranh chấp. Như vậy, có cơ sở xác định bờ ranh giáp giữa đất ông T1 với đất ông Hoàng A là bờ ranh chung. Đối với lời trình bày của ông T1 về cách đào bờ trước đây để cho rằng toàn bộ phần bờ là của ông T1 là không có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự quy định ranh giới giữa các bất động sản: *"Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thoả thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp…*". Do đó, theo phong tục tập quán tại địa phương có đất nuôi trồng thủy sản và ranh giới đã tồn tại hơn 30 năm nay, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng A phân chia từ điểm M13M22 đến điểm M10M24 (phần bờ ranh chung từ cống xổ vuông của ông T1 đến hậu đất) cho mỗi bên được quản lý sử dụng ½ bờ là có căn cứ.

[2.5] Đối với phần bờ ranh từ điểm M13M22 đến điểm M21M14 (phần bờ ranh từ công xổ vuông của ông T1 đến giáp kinh Cụt) ông Hoàng A yêu cầu được nhận hết bờ, ông T1 yêu cầu phân chia mỗi bên sử dụng ½ bờ, xét thấy: Ông T1

thừa nhận đoạn bờ này do ông Hoàng A đào (từ điểm M13M22 chạy dài đến đường bê tông), vì thực tế đoạn này là đất của ông Hoàng A tiếp giáp bãi bồi kinh Cụt; đồng thời đoạn bờ ranh này nằm trên phần đất do ông Hoàng A quản lý sử dụng, không liên quan đến phần đất của ông T1. Do đó, cấp sơ thẩm xác định đoạn này bờ là của ông Hoàng A và chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng A là có cơ sở.

[3] Tại cấp sơ thẩm, ông Hoàng A yêu cầu ông T1 trả lại phần đất bờ ranh tranh chấp, nhưng tại cấp phúc thẩm ông Hoàng A xác định hiện nay ông Hoàng A vẫn quản lý sử dụng đất nên có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Hoàng A. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng A không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Do đó, phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên, đồng thời điều chỉnh lại phần chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm ông T1 phải chịu; do ông T1 là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí.

[4] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Võ Hồng T1, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1 được miễn chịu án phí (đã được miễn dự nộp).

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hồng T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:85/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng A.

Công nhận phần đất tranh chấp diện tích đất 2.238,9m^2, bao gồm các điểm M14M13M10’M24M23M22M21 (từ điểm M24 đo qua điểm M10 lấy 2,46m gọi là điểm M10’), đất tọa lạc khóm 5, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Nguyễn Hoàng A. Phần đất có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M14M21 dài 5,77m tiếp giáp kinh Cụt;

Hướng Tây: Điểm M24 M10’ dài 2,46m tiếp giáp đất ông Trần Bửu Hồng;

Hướng Nam: Điểm M21M22M23M24 dài 821,18m (điểm M21M22 dài 71,73m; điểm M22M23 dài 18,81m; điểm M23M24 dài 730,64m) tiếp giáp bờ đất ông Võ Hồng T1;

Hướng Bắc: Điểm M14M13M10' dài 826,97m (điểm M14M13 dài 80,53m; điểm M13M10' dài 746,44m) tiếp giáp đất ông Nguyễn Hoàng A.

(Kèm Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 26/10/2022 của Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng, đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau).

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Võ Hồng T1 phải chịu 18.779.000 đồng. Do ông Hoàng A đã nộp toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 18.779.000 đồng, nên buộc ông T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng A số tiền 18.779.000 đồng.

Kể từ ngày ông Hoàng A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Võ Hồng T1 được miễn chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;*
- *Chi cục THADS huyện Năm Căn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập